

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 81/2020/HC-PT

Ngày: 22/5/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 450/2019/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3333/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị M; có mặt.

Nơi cư trú: thôn 4, xã H, thị xã T, tỉnh N..

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Chị Tống Thị Phương D, sinh năm 1994, CMT số 164517245, cấp tại Ninh Bình ngày 10/12/2008; có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh N.

Địa chỉ: phường Đông Triều, thị xã T, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn N - Phó Chủ tịch; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1977 - Phó giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã H, thị xã T, tỉnh N.;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Doãn C - Phó Chủ tịch; có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Thân Văn H; nơi cư trú: thôn 5, xã H, thị xã T, tỉnh N.; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đức S; nơi cư trú: thôn 5, xã H, thị xã T, tỉnh N.; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sơn: Bà Nguyễn Thị P; nơi cư trú: thôn 5, xã H, thị xã T, tỉnh N.; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị P; nơi cư trú: thôn 5, xã H, thị xã T, tỉnh N.; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Năm 1995, vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Thân Văn H mua 401m² đất của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Nguyễn Huệ, huyện Đông Triều (nay là thị xã T), tỉnh Quảng Ninh. Bà M và ông H sử dụng đất để trồng cây nông nghiệp đến năm 2000 cho ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị P mượn dùng để trồng cây cảnh.

Tháng 11/2004, ông H và bà M làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và biên bản kiểm tra hiện trạng đất đối với diện tích đất trên. Do ông H và bà M mâu thuẫn vợ chồng nên đã làm đơn ly hôn được Tòa án nhân dân huyện Đông Triều thụ lý và giải quyết vụ án ngày 07/6/2005 trong đó bà M có yêu cầu giải quyết chia tài sản diện tích đất 401m² nêu trên nhưng ông Sơn và bà Phương không đồng ý vì ông H và bà M đã bán cho họ toàn bộ diện tích đất này, việc mua bán hai bên đã bàn giao đất cho ông Sơn quản lý, sử dụng từ năm 2000.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa ông H và bà M thì ngày 20/6/2005, UBND xã Nguyễn Huệ xác nhận đơn xin cấp đăng ký quyền sử dụng đất của ông H đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 14/11/2005, UBND huyện Đông Triều đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cho ông H và bà M toàn bộ diện tích đất trên.

Ngày 05/01/2006, Tòa án nhân dân huyện Đông Triều xét xử vụ án ly hôn, tại phiên tòa, bà M có quan điểm không tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Phương nhưng sau đó bà M lại kháng cáo bản án yêu cầu chia tài sản đối với diện tích đất 401m² do gia đình bà Phương đang quản lý. Ngày 10/3/2006, Tòa án nhân dân tỉnh N xét xử phúc thẩm không chấp yêu cầu kháng cáo của bà M về yêu cầu chia tài sản.

Ngày 09/01/2018, UBND thị xã T, tỉnh N ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày

14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M thường trú tại thôn 5, xã Nguyễn Huệ, thị xã T.

Không đồng ý với Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T, bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 cho ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M thường trú tại thôn 5, xã H, thị xã T, tỉnh N..

Để chứng minh cho yêu cầu của mình có căn cứ, bà M đã cung cấp bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bản án sơ thẩm số 01/2006/HNGĐ-ST ngày 05/01/2006 và Bản án phúc thẩm số 07/HNGĐ-PT ngày 10/3/2006, Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T và trình bày việc UBND thị xã T thu hồi giấy chứng nhận đối với bà M và ông H là không có căn cứ vì tại các bản án trong phần quyết định không có nội dung giải quyết tranh chấp về diện tích đất trên, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa được giải quyết, chưa có kết luận của Thanh tra nên Quyết định số 34/QĐ-UBND của UBND thị xã T là trái pháp luật.

Tại Văn bản ý kiến và bản tự khai của người bị kiện trình bày:

Ngày 14/11/2005, UBND huyện Đông Triều đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 đối với diện tích đất 401m² tại thôn 5, xã Nguyễn Huệ, huyện Đông Triều cho ông Thân Văn H và bà Nguyễn Thị M nhưng theo Bản án số 07/HNGĐ-PT ngày 10/3/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã xác định diện tích đất trên đã chuyển nhượng cho ông Sơn và bà Phương nên UBND thị xã T đã có Văn bản số 2672/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 yêu cầu Thanh tra thị xã T thẩm tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông H và bà M . Ngày 29/11/2017, Thanh tra thị xã T đã có Báo cáo số 76/BC-TTr kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 do UBND thị xã T cấp ngày 14/11/2005 cho ông Thân Văn H và bà Nguyễn Thị M là không đúng đối tượng sử dụng đất, thuộc trường hợp thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Trên cơ sở bản án và kết luận thanh tra, UBND thị xã T đã ban hành Thông báo thu hồi giấy chứng nhận và ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M, trú tại thôn 5, xã Nguyễn Huệ, thị xã T là có căn cứ và đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

UBND xã Nguyễn Huệ, ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị P trình bày quan điểm thống nhất như người bị kiện.

Ông Thân Văn H trình bày: Diện tích đất trên ông và bà M đã chuyển nhượng cho ông Sơn và bà Phương hai bên đã thực hiện xong hợp đồng nhưng

chưa làm thủ tục sang tên vì tại thời điểm đó chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận mang tên ông không phải do ông làm còn ai làm thì ông không biết nên ông cho rằng mình không còn quyền lợi gì đối với diện tích đất trên.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổ chức đối thoại nhưng không thành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 24/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh N căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M thường trú tại thôn 5, xã H, thị xã T, tỉnh N..

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/11/2019, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện để hủy Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T, tỉnh N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M, trú tại thôn 5, xã H, thị xã T, tỉnh N..

Người được uỷ quyền của bà M trình bày: diện tích đất 401m² trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M là tài sản chung của vợ chồng bà M ; khi ông bà ly hôn thì Tòa án chưa giải quyết đối với quyền sử dụng đất này; ông H tâu tán tài sản chung khi xin ly hôn qua việc làm giấy bán cho ông Sơn, bà Phương. Đây là hợp đồng giả tạo nhưng UBND thị xã T, tỉnh N trong khi chưa làm việc với bà M , ông H mà đã ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và bà M là trái quy định. Đề nghị hủy quyết định này của UBND thị xã T, tỉnh N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã T, tỉnh N - ông Nguyễn Chí H trình bày: Xác nhận việc vợ chồng ông H, bà M mua đất của UBND xã Nguyễn Huệ, có phiếu thu tiền năm 1995; kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 là đúng quy định tại khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Tuy nhiên, căn cứ vào Bản án phúc thẩm số 07/LH-PT ngày 10/3/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh N xác định diện tích đất trên đã được

ông H và bà M chuyển nhượng cho ông Sơn và bà Phương là có thật. Ông H, bà M đã nhận tiền và bà Phương, ông Sơn đã được bàn giao đất, sử dụng đất ổn định từ năm 2000 đến nay, không xảy ra tranh chấp với vợ chồng bà M và cũng không tranh chấp với các hộ liền kề; nhưng năm 2004 vẫn kê khai và được cấp giấy chứng nhận là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất nên căn cứ vào đơn yêu cầu của bà Phương, căn cứ vào Bản án số 07 nêu trên; căn cứ vào báo cáo của Thanh tra huyện thì UBND thị xã T, tỉnh N thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M là đúng. Nay xác định giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận:

Về chấp hành tố tụng; Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Diện tích 401m² đất trong giấy chứng nhận đang có quyết định thu hồi của UBND thị xã T, tỉnh N nguyên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông H, bà M được hình thành từ năm 1995 đã được UBND thị xã T xác định là hợp pháp. Tuy năm 2000 có giấy chuyển nhượng cho vợ chồng ông Sơn, bà Phương nhưng giấy này chỉ có một mình ông H ký tên và cũng không được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đăng ký thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Ngày 14/11/2005 vợ chồng ông H, bà M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 đúng theo quy định. Năm 2006 khi ông H, bà M ly hôn thì Tòa án chưa giải quyết và không có quyết định gì đối với diện tích đất này; ngoài ra bản án ly hôn còn dành quyền khởi kiện cho bà M với ông Sơn, bà Phương đối với diện tích đất này nếu có tranh chấp. UBND thị xã T, tỉnh N lại căn cứ vào Bản án số 07/LH-PT ngày 10/3/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh N và Báo cáo của Thanh tra huyện để ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T, tỉnh N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M là vi phạm quy định về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận đơn khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng huỷ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T, tỉnh N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M. Bà M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M có mặt và có uỷ quyền cho chị Tống Thị Phương D trình bày tại phiên tòa. Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện vắng mặt và có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Chí H có mặt tham gia tố tụng. Đại diện UBND xã Nguyễn Huệ có đơn xin vắng mặt; ông Thân Văn H vắng mặt, ông Nguyễn Đức S, bà Nguyễn Thị P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đây là phiên tòa mở lần thứ hai, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Ngày 06/11/2019 bà Nguyễn Thị M kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N; bà Nguyễn Thị M đã đóng tạm ứng án phí ngày 21/11/2019 vì vậy kháng cáo trong hạn nên được chấp nhận để xét.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M đối với nội dung bản án sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu của bà M về yêu cầu hủy Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T, tỉnh N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M.

[2.1] Hình thức và căn cứ: Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T, tỉnh N được ban hành tuân thủ về hình thức văn bản và các căn cứ pháp lý đều là văn bản pháp luật hiện hành đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định nên phù hợp với pháp luật.

[2.2] Về nội dung của Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T, tỉnh N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 ngày 14/11/2005 đã cấp cho ông H và bà M :

Xét nguồn gốc diện tích 401m² đất này: đây là loại đất “thổ cư” vợ chồng ông Thân Văn H, bà Nguyễn Thị M tạo lập thông qua việc mua của UBND xã Nguyễn Huệ, thị trấn Đông Triều từ năm 1995. Tuy có “Giấy biên nhận” thể hiện việc ngày 10/01/2000 ông H nhận tiền để nhượng lại đất này cho bà Phương, ông Sơn; nhưng ngày 23/11/2004 khi lập biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất này để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà M thì hộ ông Sơn là hộ giáp ranh có ký tên xác nhận và không có ý kiến hoặc tranh chấp gì về việc đất này đã bán cho vợ chồng ông Sơn, bà Phương.

Năm 2006 khi vợ chồng ông Thân Văn H, bà Nguyễn Thị M xin ly hôn tại Tòa án thì tại Bản án số 01/2006/HNGĐ-ST ngày 05/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đông Triều, tỉnh N đã nhận định bà M và bà Phương không có tranh chấp gì đối với việc mua bán đất này. Tại phần Quyết định của bản án cũng không hề có quyết định gì đối với diện tích 401m² đất này. Do có kháng cáo, tại Bản án ly hôn phúc thẩm số 07/HNGĐ-PT ngày 10/3/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh N tuy có nhận định việc thực tế vợ chồng ông H, bà M đã chuyển nhượng đất này cho vợ chồng bà Phương từ năm 2000 đến nay, đã giao nhận đất

và quản lý đất không có tranh chấp, nhưng tại bản án phúc thẩm này chỉ giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm nói trên và cũng không có quyết định gì đối với diện tích 401m² đất này.

Tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T, tỉnh N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 ngày 14/11/2005 cấp cho ông H và bà M đã chỉ căn cứ vào phần nhận định của bản án ly hôn phúc thẩm nêu trên mà không xem xét việc Tòa án khi giải quyết ly hôn giữa ông H với bà M chưa hề có quyết định gì đối với tài sản chung 401m² đất của vợ chồng bà M là không đúng căn cứ.

Mặt khác, có đủ cơ sở xác định diện tích đất 401m² trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M là tài sản chung của vợ chồng bà M. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã T xác định quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H là đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Đây là tài sản hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân của ông H, bà M. Việc ông H hoặc bà M có chuyển nhượng đất đó cho vợ chồng bà Phương, ông Sơn cũng như giao đất đó cho họ sử dụng đều phải tuân theo thủ tục chuyển nhượng do Luật đất đai và Bộ luật dân sự quy định và nếu có tranh chấp thì phải được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 hoặc khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013 bằng vụ án dân sự mới đúng quy định. Trong trường hợp này, UBND thị xã T, tỉnh N lại thụ lý đơn khiếu nại của bà Phương và ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T, tỉnh N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 ngày 14/11/2005 đã cấp cho ông H và bà M là không đúng thẩm quyền và có nội dung có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Nhưng tại Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định “Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M thường trú tại thôn 5, xã H, thị xã T, tỉnh N.” là không có cơ sở và không đúng quy định.

Vì vậy có đủ căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, sửa bản án sơ thẩm nêu trên, chấp nhận đơn khởi kiện của bà M để hủy Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND thị xã T, tỉnh N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 ngày 14/11/2005 mới đúng quy định của pháp luật như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và như đã phân tích trên.

[3] Về án phí: Bà M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

UBND thị xã T, tỉnh N phải chịu án phí hành chính theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Chấp chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị M; Sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M; huỷ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01375 cấp ngày 14/11/2005 của ông Thân Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị M, thường trú tại thôn 5, xã H, thị xã T, tỉnh N.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả bà M 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng tạm án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai số 0000991 ngày 14/8/2018 và Biên lai số 0002020 ngày 21/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đông